

# **CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI CỦA TRUNG QUỐC VÀ TÁC ĐỘNG ĐỐI VỚI QUAN HỆ VIỆT - TRUNG**

TRƯỜNG LƯU\*

*Tóm tắt:* Trong 70 năm qua, kể từ ngày hai nước chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao (18/1/1950 - 2020) quan hệ Việt - Trung đã trải qua những bước thăng trầm, do tác động của những lần điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Trung Quốc. Bài viết tập trung phân tích những lần điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Trung Quốc (về đại thể diễn ra theo từng thập niên, từ 1950 - tới nay) và tác động của các lần điều chỉnh đó, góp phần đi sâu nghiên cứu quan hệ Việt - Trung.

*Từ khóa:* Chiến lược đối ngoại, Việt - Trung, Liên Xô, CHND Trung Hoa

**C**hiến lược đối ngoại của Trung Quốc trong 70 năm qua, về đại thể, có thể chia làm 3 thời kỳ: thời kỳ “ngã về một bên” (nhất biên đảo), Trung Quốc đứng về phe các nước XHCN do Liên Xô đứng đầu (thập kỷ 50); thời kỳ thực hiện đường lối đối ngoại theo thuyết “ba thế giới”, thời kỳ này trải qua 3 giai đoạn, giai đoạn “vừa chống đế quốc Mỹ, vừa chống xét lại Liên Xô” (thập niên 60); giai đoạn liên kết với Mỹ để chống “kẻ thù số 1” là Liên Xô (thập niên 70); giai đoạn thực hiện chính sách ngoại giao hòa bình độc lập tự chủ. Thời kỳ thứ 3 là chiến lược đối ngoại của Trung Quốc sau chiến tranh lạnh. Thời kỳ này trải qua 3 giai đoạn: thập niên cuối của thế kỷ XX, thập niên đầu của thế kỷ XXI và giai đoạn “CNXH đặc sắc Trung Quốc tiến

vào thời đại mới” thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI.

## **I. CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI “NGÃ VỀ MỘT BÊN” (NHẤT BIÊN ĐẢO) THẬP NIÊN 50 CỦA THẾ KỶ XX**

Đường lối đối ngoại của nước CHND Trung Hoa ngay sau khi ra đời là “nhất biên đảo” (ngã về một bên), tức là ngã về phía Liên Xô và cộng đồng các nước XHCN do Liên Xô đứng đầu.

Trong tác phẩm “Bản về chuyên chính dân chủ nhân dân” Chủ tịch Mao Trạch Đông đã nói rằng theo kinh nghiệm của Tôn Trung Sơn trong 40 năm và kinh nghiệm của ĐCS Trung Quốc trong 28 năm “người Trung Quốc hoặc là ngã về

\* PGS. Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam

chu nghĩa đế quốc hoặc là ngã về CNXH, tuyệt đối không có ngoại lệ. Bất cả hai tay là không thể được, không thể có con đường thứ ba” (Văn tuyển Ngoại giao Mao Trạch Đông, 1994: 93).

Vậy thì tại sao đến lúc này “người Trung Quốc” mới quyết định “nhất biên đảo”? Lý do rất đơn giản: bởi lẽ trong thời kỳ chiến tranh chống Nhật, ĐCS Trung Quốc vừa liên kết với Liên Xô, vừa liên kết với Mỹ, với mục tiêu kháng chiến chống Nhật thành công và thiết lập chính quyền cách mạng trong cả nước. Nhưng nay thời cuộc đã thay đổi: sau khi kháng chiến chống Nhật thành công, nội chiến Quốc - Cộng đã bùng nổ, và Mỹ đã công khai đứng về phía chính quyền Quốc dân đảng Tưởng Giới Thạch. Sau khi nước CHND Trung Hoa ra đời đã bị Mỹ cô lập về ngoại giao, cấm vận về kinh tế, uy hiếp về an ninh và chia cắt lãnh thổ (bảo vệ chính quyền Đài Loan)

Quyết định “nhất biên đảo” của lãnh đạo Trung Quốc trong đường lối đối ngoại lúc này vừa có ý nghĩa ý thức hệ, vừa có ý nghĩa lợi ích quốc gia, là sự kết hợp giữa hai nhân tố đó. Ý nghĩa ý thức hệ là Trung Quốc chu tòng đi theo con đường XHCN, thì “ngả về” về phía Liên Xô và cộng đồng các nước XHCN (trong bối cảnh thế giới chia thành hai phe) là điều cần thiết. Còn ý nghĩa về lợi ích quốc gia trong tất cả các phương diện ngoại giao, kinh tế, an ninh quốc phòng v.v... không những rất quan trọng mà còn rất cấp bách.

Về ngoại giao, nước CHND Trung Hoa ra đời không nhận được sự công nhận và đồng ý thiết lập quan hệ ngoại giao của bất kỳ nước tư bản nào, chỉ có Liên Xô là nước duy nhất công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với CHND Trung Hoa ngay sau ngày tuyên bố ra đời, và sau đó là Việt Nam và các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu (Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với CHND ngày 18-01-1950). Tính đến tháng 11-1950 đã có 12 nước châu Âu và 6 nước châu Á công nhận và thiết lập quan hệ ngoại giao với CHND Trung Hoa.

Về kinh tế, trong bối cảnh nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nghiêm trọng, lại bị các nước đế quốc tư bản bao vây cấm vận, CHND Trung Hoa khi mới ra đời phải dựa vào sự viện trợ của Liên Xô về tài chính, vật tư, kỹ thuật v.v... để khôi phục và phát triển kinh tế. “Hiệp ước Đồng minh tương trợ hữu nghị Trung - Xô” (ký kết tháng 2-1950) đã bảo đảm những nguồn lực to lớn Liên Xô viện trợ cho Trung Quốc về kinh tế mà không thể có từ một nước nào khác.

Về an ninh quốc phòng, Hiệp ước đồng minh ký với Liên Xô đã tạo bối cảnh quốc tế cho Trung Quốc vững tin vào cuộc đấu tranh chống lại sự bao vây uy hiếp về an ninh từ các nước thù địch. Năm 1957, tại Moskva, Mao Chủ tịch đã tuyên bố rằng khi Liên Xô vượt Mỹ về sản lượng gang thép, và Trung Quốc vượt Anh, thì “lúc đó chúng ta sẽ là vô địch trong thiên hạ, chẳng còn ke nào dám

đánh nhau với chúng ta nữa” (Văn tuyên Ngoại giao Mao Trạch Đông, 1994: 296). Những năm 50 của thế kỷ trước là “tuần trăng mật” của quan hệ Trung - Xô, đồng thời cũng là “tuần trăng mật” của quan hệ Việt - Trung. Tiếp sau Liên Xô, ngày 18-1-1950 Việt Nam Dân chủ cộng hòa và CHND Trung Hoa đã chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước. Trước đó, do bối cảnh địa lý và lịch sử, nhân dân hai nước Việt - Trung, hai ĐCS Việt Nam và Trung Quốc đã có mối quan hệ đoàn kết chiến đấu, giúp đỡ lẫn nhau trong cách mạng dân tộc dân chủ. Chủ tịch Hồ Chí Minh và những đồng chí lãnh đạo Đảng ta đã có thời gian hoạt động cách mạng trên đất nước Trung Quốc. Từ đầu những năm 1948, Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc mở cuộc tấn công lớn xuống miền nam Trung Quốc, lực lượng cách mạng của hai bên Việt Trung có điều kiện liên lạc, giúp đỡ lẫn nhau. Quân đội nhân dân Việt Nam đã giúp đỡ Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc trên hướng biên khu Việt - Quế tham gia những trận đánh giải phóng vùng thập vạn Đại Sơn. Phía Việt Nam cũng đã hỗ trợ Trung Quốc nhiều vật tư hậu cần và vũ khí. Về sau, thủ tướng Chu Ân Lai đã nói: “Trong lúc Việt Nam vừa nghèo, vừa đang phải gian khổ kháng chiến, lẽ ra phải được Trung Quốc giúp đỡ, thế mà các đồng chí đã hết lòng giúp đỡ Trung Quốc” (Tài liệu nghiên cứu về quan hệ của Trung Quốc với Việt Nam).

Thắng lợi của cách mạng Trung Quốc đã khai thông biên giới Việt - Trung nối

liên nước ta với Trung Quốc, Liên Xô, cộng đồng các nước XHCN Đông Âu, Trung Quốc có điều kiện giúp đỡ Việt Nam trên tất cả các phương diện Quân sự, kinh tế, ngoại giao góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Mặt khác, thắng lợi của cách mạng Việt Nam, Miền Bắc được giải phóng cũng đã góp phần quan trọng vào việc củng cố an ninh quốc phòng của Trung Quốc ở hướng Đông-Nam, mở rộng ảnh hưởng của Trung Quốc trong khu vực.

## II. CHIẾN LƯỢC ĐỐI NGOẠI THEO THUYẾT 3 THẾ GIỚI (CÁC THẬP NIÊN 60, 70, 80 CỦA THẾ KỶ XX)

“Tuần trăng mật” trong quan hệ Trung - Xô chỉ kéo dài được chưa đầy một thập niên. Từ cuối những năm 50, tình hình hai nước Trung Quốc và Liên Xô, cũng như cục diện thế giới đã có nhiều diễn biến mới, tác động tới quan hệ Trung - Xô. Sau một thập niên tồn tại và phát triển, lãnh đạo CHND Trung Hoa muốn thể hiện vai trò một nước lớn, không phụ thuộc vào Liên Xô như các nước XHCN ở Đông Âu. Từ sau Đại hội XX ĐCS Liên Xô (1956), một cuộc tranh luận gay gắt đã diễn ra giữa hai ĐCS Liên Xô và Trung Quốc về các vấn đề quan trọng của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Trung Quốc quy kết ĐCS Liên Xô đi theo chủ nghĩa xét lại. Từ mâu thuẫn giữa hai đảng, dẫn tới mâu thuẫn giữa hai nước, từ quan hệ đồng minh đã chuyển sang quan hệ thù địch.

Trong những năm này phong trào giải phóng dân tộc tại châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đã giành được những thắng lợi to lớn, một loạt các nước độc lập đã ra đời. Trung Quốc đã hướng trọng tâm hoạt động đối ngoại vào các nước Á Phi Mỹ Latinh, từng bước từ bỏ lý luận về “2 phe”, hình thành thuyết “3 thế giới”. Chủ tịch Mao Trạch Đông chia cục diện toàn cầu thành “3 thế giới”: Thế giới thứ nhất gồm Mỹ và Liên Xô, thế giới thứ ba là các nước Á Phi Mỹ Latinh, phần còn lại (gồm Nhật Bản, châu Âu, Canada...) thuộc thế giới thứ hai. Theo kinh nghiệm cách mạng Trung Quốc “lấy nông thôn bao vây thành thị”, thuyết “ba thế giới” đã hoạch định chiến lược cho cách mạng thế giới là đoàn kết thế giới thứ ba, sẽ dẫn dắt cách mạng thế giới đánh đổ được hai đối tượng của cách mạng là “đế quốc Mỹ” và “xét lại Liên Xô”.

Thuyết “ba thế giới” tuy tới năm 1974 mới được công khai là một học thuyết về “cách mạng thế giới”, nhưng trong thực tiễn đã là nền tảng chiến lược đối ngoại của Trung Quốc trong ba thập niên 60, 70 và 80 của thế kỷ XX. Quá trình đó, về đại thể đã diễn ra qua ba giai đoạn, với nội dung và cách thể hiện cụ thể khác nhau về mức độ.

**1. Giai đoạn 1 là thập niên 60, mục tiêu Trung Quốc đề ra là “chống đế quốc Mỹ và chủ nghĩa xét lại (Liên Xô)”**

Hai mươi năm từ sau ngày nước CHND Trung Hoa ra đời, nước Mỹ vẫn thực hiện chính sách thù địch, bao vây cô

lập Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, an ninh, quan trọng nhất là bảo vệ Đài Loan và ngăn cản CHND Trung Hoa gia nhập Liên hợp quốc. Trong khi đó, lãnh đạo Trung Quốc cho rằng Liên Xô đã đi theo con đường chủ nghĩa xét lại (từ sau Đại hội XX ĐCS Liên Xô năm 1950) và trở thành “đế quốc xã hội” với dã tâm gây chiến bành trướng xâm lược. Chiến lược đối ngoại của Trung Quốc trong thập niên 60 là tích cực chuẩn bị chiến tranh đối phó với âm mưu gây chiến của “đế quốc tư bản Mỹ” và “đế quốc xã hội Liên Xô”. Thời gian này cũng là lúc ở Trung Quốc nổi ra phong trào “Đại cách mạng văn hóa vô sản”, đường lối đối ngoại của Trung Quốc tất nhiên cũng chịu tác động của phong trào đó. Báo cáo chính trị tại Đại hội IX ĐCS Trung Quốc (1969) khẳng định “tuyệt đối không được coi thường nguy cơ đế quốc Mỹ và xét lại Liên Xô phát động chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng, chuẩn bị chúng đánh lớn, chuẩn bị chúng đánh sớm, chuẩn bị chúng tiến hành chiến tranh thông thường, đồng thời chuẩn bị chúng tiến hành chiến tranh lớn bằng vũ khí hạt nhân” (Mạng Tân hoa, 2007).

**2. Giai đoạn 2 là thập niên 70, đặc điểm của đường lối đối ngoại của Trung Quốc là liên kết với Mỹ để tập trung chống “kẻ thù số 1” là Liên Xô**

Nguyên nhân dẫn tới bước chuyển này đến từ hai phía: Mỹ và Trung Quốc.

Trong 20 năm quan hệ thù địch Mỹ Trung, phía Mỹ vẫn hy vọng qua khai thác mâu thuẫn Trung - Xô lôi kéo Trung Quốc hợp tác với Mỹ cùng chống kẻ thù chung là Liên Xô (đối thủ số 1 của Mỹ trong chiến tranh lạnh). Về phía Trung Quốc cũng mong muốn cải thiện quan hệ với Mỹ để đạt những mục tiêu quan trọng về kinh tế và ngoại giao, nhất là vấn đề gia nhập Liên hợp quốc và liên kết chống Liên Xô. Ngay sau cuộc chiến tranh biên giới Trung - Xô năm 1969, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã giao nhiệm vụ cho 4 nguyên soái Diệp Kiếm Anh, Trần Nghị, Từ Hưởng Tiền, Nhiếp Vinh Trăn "tọa đàm về tình hình quốc tế". Kết quả của tọa đàm được đệ trình lên Mao Chủ tịch là: "Mâu thuẫn Trung - Xô lớn hơn mâu thuẫn Trung - Mỹ, mâu thuẫn Mỹ - Xô lớn hơn mâu thuẫn Trung - Xô". (Liêu Cải Long, 2010: 305-306). Kết luận đó dẫn đến quan điểm là Trung Quốc cần phải và có thể liên kết với Mỹ để chống kẻ thù số 1 là Liên Xô, phù hợp với ý tưởng của Chủ tịch Mao Trạch Đông.

Sự gặp gỡ về ý đồ chiến lược của Trung Quốc và Mỹ đã dẫn tới chuyển thân của tổng thống Mỹ Nixon và ngoại trưởng Kissinger tới Bắc Kinh năm 1972, bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Sau 20 năm đối địch, tiến tới chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ vào ngày 1-1-1979 và tiếp sau là các nước tư bản phương Tây lần lượt chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Trung Quốc được gia nhập

Liên hợp quốc thay chân Đài Loan và giữ ghế thành viên thường trực Hội đồng Bảo an. Tính đến cuối năm 1979 đã có 120 nước trên thế giới chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với CHND Trung Hoa.

**3. Giai đoạn 3 là thập niên 80. Trong giai đoạn này Trung Quốc đã chuyển sang cải cách mở cửa, nhưng đường lối đối ngoại vẫn không có chuyển biến cơ bản về thực chất**

Sau khi Chủ tịch Mao Trạch Đông tạ thế (1976), Trung Quốc chuyển sang cải cách mở cửa (1978), Đại hội XII ĐCS Trung Quốc (1982) đã tuyên bố "thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình độc lập tự chủ" (Hồ Diệu Bang, 1982: 27). Đường lối đối ngoại đó xuất phát từ mục tiêu đường lối đối nội cải cách mở cửa hiện đại hóa của Trung Quốc trong giai đoạn lịch sử mới. Trung Quốc cần cải cách mở cửa hiện đại hóa thì phải có môi trường hòa bình ổn định trong quan hệ quốc tế, phải giao lưu hợp tác với các quốc gia để phát triển kinh tế thương mại, không thể đi theo bên nào chống bên nào, nhất là trong quan hệ với Mỹ và Liên Xô. Mặt khác, đường lối đối ngoại đó cũng xuất phát từ thực tiễn quan hệ quốc tế lúc bấy giờ làm cho lãnh đạo Trung Quốc giảm bớt ảo tưởng trong việc liên kết với Mỹ (chủ yếu do vấn đề Đài Loan) và mong muốn khôi phục quan hệ kinh tế - thương mại với Liên Xô và các nước Đông Âu để giảm bớt sự phụ thuộc vào các nước phương Tây về kinh tế - thương

Trong những năm này phong trào giải phóng dân tộc tại châu Á, châu Phi và Mỹ Latinh đã giành được những thắng lợi to lớn, một loạt các nước độc lập đã ra đời. Trung Quốc đã hướng trọng tâm hoạt động đối ngoại vào các nước Á Phi Mỹ Latinh, từng bước từ bỏ lý luận về “2 phe”, hình thành thuyết “3 thế giới”. Chủ tịch Mao Trạch Đông chia cục diện toàn cầu thành “3 thế giới”: Thế giới thứ nhất gồm Mỹ và Liên Xô, thế giới thứ ba là các nước Á Phi Mỹ Latinh, phần còn lại (gồm Nhật Bản, châu Âu, Canada...) thuộc thế giới thứ hai. Theo kinh nghiệm cách mạng Trung Quốc “lấy nông thôn bao vây thành thị”, thuyết “ba thế giới” đã hoạch định chiến lược cho cách mạng thế giới là đoàn kết thế giới thứ ba, sẽ dẫn dắt cách mạng thế giới đánh đổ được hai đối tượng của cách mạng là “đế quốc Mỹ” và “xét lại Liên Xô”.

Thuyết “ba thế giới” tuy tới năm 1974 mới được công khai là một học thuyết về “cách mạng thế giới”, nhưng trong thực tiễn đã là nền tảng chiến lược đối ngoại của Trung Quốc trong ba thập niên 60, 70 và 80 của thế kỷ XX. Quá trình đó, về đại thể đã diễn ra qua ba giai đoạn, với nội dung và cách thể hiện cụ thể khác nhau về mức độ.

**1. Giai đoạn 1 là thập niên 60, mục tiêu Trung Quốc đề ra là “chống đế quốc Mỹ và chủ nghĩa xét lại (Liên Xô)”**

Hai mươi năm từ sau ngày nước CHND Trung Hoa ra đời, nước Mỹ vẫn thực hiện chính sách thù địch, bao vây cô

lập Trung Quốc trên tất cả các lĩnh vực ngoại giao, kinh tế, an ninh, quan trọng nhất là bảo vệ Đài Loan và ngăn cản CHND Trung Hoa gia nhập Liên hợp quốc. Trong khi đó, lãnh đạo Trung Quốc cho rằng Liên Xô đã đi theo con đường chủ nghĩa xét lại (từ sau Đại hội XX ĐCS Liên Xô năm 1950) và trở thành “đế quốc xã hội” với dã tâm gây chiến bành trướng xâm lược. Chiến lược đối ngoại của Trung Quốc trong thập niên 60 là tích cực chuẩn bị chiến tranh đối phó với âm mưu gây chiến của “đế quốc tư bản Mỹ” và “đế quốc xã hội Liên Xô”. Thời gian này cũng là lúc ở Trung Quốc nổ ra phong trào “Đại cách mạng văn hóa vô sản”, đường lối đối ngoại của Trung Quốc tất nhiên cũng chịu tác động của phong trào đó. Báo cáo chính trị tại Đại hội IX ĐCS Trung Quốc (1969) khẳng định “tuyệt đối không được coi thường nguy cơ đế quốc Mỹ và xét lại Liên Xô phát động chiến tranh xâm lược quy mô lớn. Chúng ta phải chuẩn bị sẵn sàng, chuẩn bị chúng đánh lớn, chuẩn bị chúng đánh sớm, chuẩn bị chúng tiến hành chiến tranh thông thường, đồng thời chuẩn bị chúng tiến hành chiến tranh lớn bằng vũ khí hạt nhân” (Mạng Tân hoa, 2007).

**2. Giai đoạn 2 là thập niên 70, đặc điểm của đường lối đối ngoại của Trung Quốc là liên kết với Mỹ để tập trung chống “kẻ thù số 1” là Liên Xô**

Nguyên nhân dẫn tới bước chuyển này đến từ hai phía: Mỹ và Trung Quốc.

Trong 20 năm quan hệ thù địch Mỹ - Trung, phía Mỹ vẫn hy vọng qua khai thác mâu thuẫn Trung - Xô lôi kéo Trung Quốc hợp tác với Mỹ cùng chống kẻ thù chung là Liên Xô (đối thủ số 1 của Mỹ trong chiến tranh lạnh). Về phía Trung Quốc cũng mong muốn cải thiện quan hệ với Mỹ để đạt những mục tiêu quan trọng về kinh tế và ngoại giao, nhất là vấn đề gia nhập Liên hợp quốc và liên kết chống Liên Xô. Ngay sau cuộc chiến tranh biên giới Trung - Xô năm 1969, Chủ tịch Mao Trạch Đông đã giao nhiệm vụ cho 4 nguyên soái Diệp Kiếm Anh, Trần Nghị, Từ Hương Tiền, Nhiếp Vinh Trăn "tọa đàm về tình hình quốc tế". Kết quả của tọa đàm được đệ trình lên Mao Chủ tịch là: "Mâu thuẫn Trung - Xô lớn hơn mâu thuẫn Trung - Mỹ, mâu thuẫn Mỹ - Xô lớn hơn mâu thuẫn Trung - Xô". (Liêu Cái Long, 2010: 305-306). Kết luận đó dẫn đến quan điểm là Trung Quốc cần phải và có thể liên kết với Mỹ để chống kẻ thù số 1 là Liên Xô, phù hợp với ý tưởng của Chủ tịch Mao Trạch Đông.

Sự gặp gỡ về ý đồ chiến lược của Trung Quốc và Mỹ đã dẫn tới chuyến thăm của tổng thống Mỹ Nixon và ngoại trưởng Kissinger tới Bắc Kinh năm 1972, bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Sau 20 năm đối địch, tiến tới chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao Trung - Mỹ vào ngày 1-1-1979 và tiếp sau là các nước tư bản phương Tây lần lượt chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với Trung Quốc. Trung Quốc được gia nhập

Liên hợp quốc thay chân Đài Loan và giữ ghế thành viên thường trực Hội đồng Bảo an. Tính đến cuối năm 1979 đã có 120 nước trên thế giới chính thức thiết lập quan hệ ngoại giao với CHND Trung Hoa.

**3. Giai đoạn 3 là thập niên 80. Trong giai đoạn này Trung Quốc đã chuyên sang cải cách mở cửa, nhưng đường lối đối ngoại vẫn không có chuyển biến cơ bản về thực chất**

Sau khi Chủ tịch Mao Trạch Đông tạ thế (1976), Trung Quốc chuyển sang cải cách mở cửa (1978), Đại hội XII ĐCS Trung Quốc (1982) đã tuyên bố "thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình độc lập tự chủ" (Hồ Diệu Bang, 1982: 27). Đường lối đối ngoại đó xuất phát từ mục tiêu đường lối đối nội cải cách mở cửa hiện đại hóa của Trung Quốc trong giai đoạn lịch sử mới. Trung Quốc cần cải cách mở cửa hiện đại hóa thì phải có môi trường hòa bình ổn định trong quan hệ quốc tế, phải giao lưu hợp tác với các quốc gia để phát triển kinh tế thương mại, không thể đi theo bên nào chống bên nào, nhất là trong quan hệ với Mỹ và Liên Xô. Mặt khác, đường lối đối ngoại đó cũng xuất phát từ thực tiễn quan hệ quốc tế lúc bấy giờ làm cho lãnh đạo Trung Quốc giảm bớt ảo tưởng trong việc liên kết với Mỹ (chủ yếu do vấn đề Đài Loan) và mong muốn khôi phục quan hệ kinh tế - thương mại với Liên Xô và các nước Đông Âu để giảm bớt sự phụ thuộc vào các nước phương Tây về kinh tế - thương

mai (đầu những năm 80 chiếm 90% tổng lượng ngoại thương của Trung Quốc). Bảy giờ Đặng Tiểu Bình đã có phán đoán về “xu thế hòa bình và phát triển” của thế giới, và ý tưởng nhân cơ hội lịch sử đó “thực hiện giấc mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”.

Tuy nhiên, bước chuyển sang đường lối đối ngoại “hòa bình độc lập tự chủ” không hề đơn giản. Nhất là về vấn đề “hòa bình”, mâu thuẫn giữa ngôn từ ngoại giao và hành động thực tế của Trung Quốc làm cho cộng đồng quốc tế không thể không nâng cao cảnh giác đối với chính sách ngoại giao “hòa bình” của Trung Quốc.

Trong 3 thập niên 60,70,80 của thế kỷ trước, đường lối đối ngoại của Trung Quốc đã trải qua 3 lần điều chỉnh: từ “ngã về một bên” sang vừa chống “đế quốc Mỹ” vừa chống “chủ nghĩa xét lại Liên Xô”; liên kết với Mỹ để chống “kẻ thù số 1” là Liên Xô; và “thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình độc lập tự chủ”, nhưng cơ sở lý luận chỉ đạo những đường lối đó vẫn là thuyết “ba thế giới” được hình thành trên nền tảng Trung Quốc đứng đầu cách mạng thế giới. Cả ba giai đoạn đó đều tác động không nhỏ tới quan hệ Việt - Trung.

Trong những năm 60, để chống đế quốc Mỹ, Trung Quốc đã viện trợ cho cuộc kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam. Nhưng do mâu thuẫn Xô - Trung, những hàng viện trợ của Liên Xô và các nước Đông Âu gửi tới Việt Nam chuyển

qua địa phận Trung Quốc đã gặp khó khăn và bị ngừng trệ. Về chính trị ngoại giao, Trung Quốc yêu cầu đoạn tuyệt với Liên Xô, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta chủ trương đoàn kết tất cả các Đảng anh em và phong trào cộng sản quốc tế. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giành bao tâm huyết và nỗ lực cho hy vọng hàn gắn quan hệ Trung - Xô, nhưng cho đến ngày Người đi xa tâm nguyện đó vẫn chưa được thực hiện. Mâu thuẫn trong quan hệ nội bộ các đảng cộng sản và công nhân cũng đã tác động tới quan hệ Việt - Trung.

Từ khi Trung Quốc chuyển sang đường lối đối ngoại liên kết với Mỹ để chống Liên Xô thì tác động đối với cuộc kháng chiến cứu nước của Việt Nam càng thể hiện rõ ràng và nghiêm trọng. Chuyển thăm Trung Quốc của Tổng thống Mỹ R.Nixon và “Thông cáo chung Thượng Hải” được ký kết nhân chuyến thăm đó (tháng 2-1972), thực chất là một cuộc đổi chác: Trung Quốc nhượng bộ Mỹ trong vấn đề chiến tranh Việt Nam, Mỹ nhượng bộ Trung Quốc trong vấn đề Đài Loan. Tiếp sau đó là Trung Quốc chi phản ứng lấy lệ (chỉ bằng một bản tuyên bố phản đối của Bộ ngoại giao) khi Mỹ phong tỏa cảng Hải Phòng và ném bom B52 Hà Nội và các thành phố miền Bắc Việt Nam năm 1972; về phần Mỹ, đã làm nger để Trung Quốc tấn công đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam năm 1974<sup>(1)</sup>. Nghiêm trọng nhất là Trung Quốc được Mỹ bật đèn xanh, huy



động 60 vạn quân mở cuộc tấn công trên toàn biên giới Việt - Trung từ ngày 17-2-1979. Cuộc tấn công đã diễn ra ngay sau khi Đặng Tiểu Bình vừa có chuyến thăm Mỹ (28/1-5/2/1979) về nước (Kissinger, 2015: 378). Cuộc tấn công được Đặng Tiểu Bình mệnh danh là “phản kích tự vệ” nhằm “đạy cho Việt Nam một bài học”, thực chất là một cuộc chiến tranh xâm lược, nhằm nhiều ý đồ chính trị, trong đó chủ yếu là nhằm tỏ thái độ thân Mỹ, và quan trọng hơn là nhằm kéo lực lượng Việt Nam ra bắc, cứu nguy cho bọn diệt chủng Pôn Pốt trên chiến trường Campuchia.

Cuộc chiến tranh biên giới diễn ra quyết liệt gần một tháng, nhưng tình trạng chiến tranh trên biên giới Việt - Trung kéo dài hơn 10 năm. Trong thời gian đó, Trung Quốc đã cùng các thế lực thù địch với Việt Nam ra sức hỗ trợ cho các thế lực phản động Campuchia chống phá chính quyền cách mạng. Trung Quốc vu cáo Việt Nam gửi quân tình nguyện sang cứu giúp (theo yêu cầu của lực lượng cách mạng Campuchia) là xâm lược nhằm thành lập “Liên bang Đông dương”, lo ngại thắng lợi của cách mạng Campuchia sẽ làm tăng ảnh hưởng của Liên Xô tại khu vực Đông Nam Á. Trung Quốc coi việc Việt Nam ủng hộ cách mạng Campuchia là một trở ngại đối với quan hệ Việt - Trung, và đưa ra yêu sách quân tình nguyện Việt Nam rút khỏi Campuchia làm điều kiện tiên quyết để khôi phục quan hệ Việt - Trung.

Năm 1988, Trung Quốc đã tấn công đánh chiếm các bãi đá Gạc ma, Chũr thập, Châu Viên, Gaven, Tư Nghĩa, Subi thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam để xây dựng các căn cứ quân sự.

### III. CHIẾN LƯỢC NGOẠI GIAO TRUNG QUỐC SAU CHIẾN TRANH LẠNH (THẬP NIÊN CUỐI CỦA THẾ KỶ XX, THẬP NIÊN ĐẦU VÀ THẬP NIÊN THỨ HAI THẾ KỶ XXI)

Đầu thập niên 90 chiến tranh lạnh kết thúc, Liên Xô giải thể, chế độ XHCN các nước Đông Âu sụp đổ. Cùng thời gian đó, Trung Quốc đang chịu sức ép trừng phạt của các nước phương Tây sau vụ Thiên An Môn mùa hè 1989, tình hình Kinh tế chính trị trong nước và quan hệ ngoại giao rơi vào tình trạng cực kỳ khó khăn.

Trong bối cảnh đó, Đặng Tiểu Bình (tuy đã từ chức Chủ tịch Quân ủy Trung ương từ năm 1989, nhưng vẫn là nhà lãnh đạo tối cao của ĐCS Trung Quốc) đã đề xuất sự điều chỉnh chiến lược đối ngoại của Trung Quốc trong giai đoạn lịch sử mới. Tư tưởng chủ đạo của Đặng Tiểu Bình là Trung Quốc phải chuyển sang thế phòng thủ về mặt đối ngoại, “cùng cố trận địa của mình” (có nghĩa là ổn định tình hình trong nước), bình tĩnh quan sát diễn biến của tình hình quốc tế, “không đi đầu, không cầm đầu” phong trào cách mạng thế giới, thực hiện chính sách đối ngoại trên cơ sở “5 nguyên tắc chung sống hòa bình”, Trung Quốc phải lợi dụng thời cơ phát triển mạnh về Kinh tế, đã là “cường quốc về chính trị” (ý nói là

thành viên thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc) nay phải trở thành “cường quốc về kinh tế”.

Trong cơn khủng hoảng của cục diện chính trị thế giới lúc bấy giờ, Đặng Tiểu Bình không những đề nghị giới lãnh đạo Trung Quốc không được hoang mang dao động mà còn phải nắm bắt thời cơ. Đặng Tiểu Bình cho rằng “thời đại Mỹ - Xô độc quyền lũng đoạn tất cả đã thay đổi, cục diện thế giới sẽ chuyển sang đa cực... dù là mấy cực thì Trung Quốc phải là một cực... Phải có tầm nhìn toàn cục, dù thay đổi như thế nào, chúng ta cũng phải tập trung làm tốt công cuộc xây dựng trong 10 năm tới, trong 10 năm này đưa nền kinh tế tăng lên gấp đôi sẽ là một thắng lợi to lớn của chúng ta. Trung Quốc có thể chặn đứng sức ép của chủ nghĩa bá quyền, chính trị cường quyền, kiên trì CNXH của chúng ta được hay không, then chốt là ở chỗ chúng ta có thể đạt được tốc độ tăng trưởng tương đối nhanh, thực hiện chiến lược phát triển của chúng ta hay không” (Đặng Tiểu Bình văn tuyển, 1993); “CHND Trung Hoa sau một thời gian ngắn sẽ trở thành một nước lớn về kinh tế, hiện nay đã là nước lớn về chính trị... Người Trung Quốc phải trở dậy mạnh lên... chúng ta phải lợi dụng thời cơ, thúc đẩy Trung Quốc phát triển, không nên quan tâm nhiều đến công việc của những kẻ khác, cũng không sợ ai kiềm chế. Trung Quốc phân đối chủ nghĩa bá quyền, chính mình cũng không bao giờ xung bá. Trung

Quốc trong thế kỷ sau sẽ tràn đầy hy vọng” (Đặng Tiểu Bình văn tuyển, 1993).

Chủ trương điều chỉnh chiến lược nói trên của Đặng Tiểu Bình thường được biểu đạt là “giấu mình chờ thời” (dịch ý từ nguyên văn “thao quang dưỡng hốt”). Nhiều người đã hiểu nhầm là Trung Quốc “ẩn dật”, ngồi đợi thời cơ. Hoàn toàn không phải như vậy, mà là ngược lại. Thực chất của sự điều chỉnh chiến lược lần này, là tạm hòa hoãn quan hệ đối ngoại, để nắm bắt thời cơ, đẩy nhanh tăng trưởng kinh tế, chuẩn bị thực lực mọi mặt, tạo điều kiện cho sự trở dậy mạnh mẽ trong cạnh tranh trên trường quốc tế từ đầu thế kỷ XXI. Nhằm mục đích đó, từ đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, Đặng Tiểu Bình đã thực giục Trung Quốc tăng tốc tăng trưởng kinh tế, chuyển sang kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền, chuyển đổi chức năng của chính phủ, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế. Về mặt đối ngoại, tiếp tục quan hệ hợp tác với Mỹ, thiết lập quan hệ hợp tác hữu nghị với Liên bang Nga và các nước cộng hòa mới tuyên bố độc lập trong không gian Xô Viết cũ, thiết lập quan hệ ngoại giao hoặc bình thường hóa quan hệ với các nước xung quanh như Hàn Quốc, Việt Nam, Singapore, Brunei... Trong 10 năm cuối của thế kỷ trước, thực hiện đề xuất của Đặng Tiểu Bình, Trung Quốc đã tăng GDP lên gấp đôi, cơ bản đạt mục tiêu kinh tế “tiểu khang” (khá giả) mặc dù về mặt xã hội còn chưa toàn diện. Do vậy mà Đại hội XVI ĐCS Trung Quốc đã

đề ra nhiệm vụ chiến lược trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI là “xây dựng toàn diện xã hội khá giả”.

Sau khi chuyển sang kinh tế thị trường và hội nhập sâu vào kinh tế thế giới (Trung Quốc gia nhập WTO năm 2001), trong 10 năm đầu của thế kỷ XXI, Trung Quốc đã có sự tăng trưởng thần tốc về kinh tế - thương mại, tăng trưởng GDP bình quân hàng năm 10%, đến năm 2010 đã vượt Nhật Bản, trở thành quốc gia có tổng lượng kinh tế lớn thứ 2 thế giới (sau Mỹ). Cùng với tăng trưởng kinh tế, thực lực quân sự và trình độ khoa học công nghệ cũng được tăng cường và nâng cao. Hoạt động đối ngoại của Trung Quốc cũng bắt đầu xa rời phương châm “giấu mình chờ thời”. Trong thập niên đầu của thế kỷ XXI định vị quan hệ Việt - Trung được nâng cấp là “quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện”. Nhưng trong thực hiện đã xuất hiện nhiều vấn đề phức tạp xoay quanh vấn đề Biển Đông. Năm 2009 nhà cầm quyền Trung Quốc chính thức đệ trình yêu sách “đường lưỡi bò” lên cơ quan hữu quan Liên hợp quốc. Trên thực tế địa bàn Biển Đông đã diễn ra nhiều vụ phía Trung Quốc gây sự với ngư dân và lực lượng chấp pháp của Việt Nam.

Đại hội lần thứ XVIII ĐCS Trung Quốc (cuối năm 2012 và kỳ họp Quốc hội Trung Quốc sau đó tháng 3-2013) đã bầu ra ban lãnh đạo mới thuộc thế hệ thứ 5 do Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình giữ vai trò “hạt nhân” Từ đó

CNXH đặc sắc Trung Quốc được đánh giá là đã “tiến vào thời đại mới”. Ngay trong ngày lên cầm quyền, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tập Cận Bình đã giương cao ngọn cờ “thực hiện giấc mơ Trung Quốc, phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa” (Tập Cận Bình “Bàn về quản lý đất nước, hành xử chính quyền”, 2014: 38). Trong nhiệm kỳ đầu của ban lãnh đạo mới (2013-2017), Trung Quốc đã triển khai một loạt các chiến lược đối ngoại như “Một vành đai, một con đường”, “Ngoại giao láng giềng”, chiến lược “Cường quốc biển”, xây dựng các “Cộng đồng chung vận mệnh”, chương trình “Sản xuất tại Trung Quốc” (Made in China) năm 2025 v.v., nổi bật nhất là xây dựng quân đội, quốc phòng quy mô lớn, tốc độ nhanh, tiếp tục tiến hành các hoạt động quân sự tại các điểm nóng ven bờ Tây Thái Bình Dương. Năm 2012, 2013 xung đột quân sự đã xảy ra giữa Trung Quốc với Nhật Bản và Philippines liên quan đến chủ quyền các quần đảo Senkaku/ Điếu ngư và Scarborough/Hoàng Nham. Từ năm 2013, Trung Quốc đã tôn tạo các bãi đã thuộc quần đảo Trường Sa của Việt Nam và tiến hành quân sự hóa Biển Đông. Năm 2014, Trung Quốc hạ đặt trái phép giàn khoan khổng lồ HD 981 sâu vào vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam, năm 2019 đã đưa tàu Địa chất Hải dương 8 hoạt động dài ngày tại Bãi Tư chính của Việt Nam, làm phức tạp

thêm và mưu đồ mở rộng tranh chấp trên Biển Đông.

Những hoạt động đối ngoại của Trung Quốc trong thập niên thứ hai của thế kỷ mới chứng tỏ họ đã cơ bản từ bỏ phương châm “giấu mình chờ thời” do Đặng Tiểu Bình đề ra trong những năm đầu sau chiến tranh lạnh.

### Lời kết

Trong 70 năm qua Trung Quốc đã 7 lần điều chỉnh chiến lược đối ngoại, về đại thể, mỗi lần điều chỉnh tương đương với một thập niên. Mỗi lần điều chỉnh có một nội dung riêng, nhưng mẫu số chung là nhằm thực hiện giấc mơ Trung Quốc, phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”.

Thập niên 50 thế kỷ XX, sau khi ra đời, nước CHND Trung Hoa bị Mỹ và các nước phương Tây cô lập về ngoại giao, cấm vận về kinh tế, uy hiếp về quân sự, Trung Quốc đã thực hiện chiến lược ngoại giao “ngả về một bên” (nhất biên đảo), tức là ngả về bên Liên Xô và Cộng đồng các nước XHCN.

Thập niên 60, khi đã đứng vững, Trung Quốc không thể phụ thuộc vào Liên Xô như trước nữa, đã chuyển chiến lược đối ngoại sang “vừa chống đế quốc Mỹ, vừa chống xét lại Liên Xô”.

Thập niên 70, Trung Quốc đã lợi dụng mâu thuẫn Mỹ - Xô, tranh thu sự nhượng bộ của Mỹ về vấn đề Đài Loan và vấn đề gia nhập Liên hợp quốc, chuyển hướng chiến lược đối ngoại sang liên kết với Mỹ chống “kẻ thù số 1” là Liên Xô.

Thập niên 80, Trung Quốc chuyển sang cải cách, mở cửa, Liên Xô cũng đã trên đà suy yếu, Trung Quốc chuyển sang chiến lược ngoại giao “độc lập tự chủ”.

Thập niên 90, chiến tranh lạnh kết thúc, Liên Xô giải thể, chế độ XHCN Đông Âu sụp đổ. Trung Quốc bị Mỹ và các nước phương Tây trừng phạt sau sự kiện Thiên An môn năm 1989, đã chuyển chiến lược đối ngoại sang “giấu mình chờ thời”, thực chất là lặng lẽ tích cực chuẩn bị sức mạnh để đối phó.

Thập niên đầu thế kỷ XXI kinh tế Trung Quốc hội nhập sâu vào kinh tế thế giới và đã tăng trưởng nhanh, thực lực quân sự lớn mạnh, chiến lược đối ngoại cũng chuyển sang “ngoại giao nước lớn”.

Thập niên thứ hai thế kỷ XXI, Trung Quốc đã “tiến vào giai đoạn then chốt thực hiện phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa” (Mạng Tân Hoa, 2014). Đại hội XIX ĐCS đã khẳng định Trung Quốc thực hiện “đường lối ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc” với mục tiêu “thúc đẩy xây dựng quan hệ quốc tế kiểu mới, thúc đẩy xây dựng cộng đồng nhân loại cùng chung vận mệnh” (www.gov.cn). Đền đáp, chiến lược ngoại giao toàn cầu của Trung Quốc đã cơ bản định hình, chiến lược “giấu mình chờ thời” Đặng Tiểu Bình đã đề ra trong mấy năm đầu sau chiến tranh lạnh đã bị từ bỏ.

Nhìn lại chiến lược đối ngoại của Trung Quốc 70 năm qua, nhiều câu hỏi đã được đặt ra từ giới nghiên cứu. Nhân tố hình thái ý thức (thể hiện trong chế độ

xã hội) đóng vai trò như thế nào trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc? Hiểu như thế nào về “giấc mơ Trung Quốc, phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa”? Triển vọng của việc Trung Quốc thực thi chiến lược đối ngoại hiện nay sẽ như thế nào?

Về câu hỏi thứ nhất, từ khi Trung Quốc đưa ra thuyết “ba thế giới”, coi Liên Xô cũng như Mỹ (thậm chí coi Liên Xô là kẻ thù số 1), coi các nước Đông Âu cũng như các nước Tây Âu, thì trên thực tế Trung Quốc đã không còn coi sự tương đồng về ý thức hệ là một nhân tố quan trọng trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, khi cần thiết Trung Quốc vẫn lợi dụng nhân tố “cùng chung lý tưởng” trong quan hệ quốc tế nếu thấy có lợi cho lợi ích quốc gia.

Về câu hỏi thứ hai, “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa” (nguyên văn: “Trung hoa dân tộc đại phục hưng”) là lý tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn trong bối cảnh lịch sử Trung Quốc thời cận đại. Còn trong thời đại ngày nay thì “giấc mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa” có hai cách biểu đạt: Một là cách biểu đạt quan phương. Chủ tịch Tập Cận Bình cho rằng: “Cần tranh thủ các nước trên thế giới hiểu rõ và ủng hộ đối với giấc mơ Trung Quốc. Giấc mộng Trung Quốc là giấc mộng hòa bình, phát triển, hợp tác, cùng thịnh. Mục đích chúng ta cần đạt tới là hạnh phúc của nhân dân Trung Quốc, cũng là hạnh phúc chung của nhân dân các nước...” (Mạng

Tân hoa, 2014). Hai là các biểu đạt của giới nghiên cứu, cho rằng: “không thể giới hạn mục tiêu phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa chỉ là để làm cường quốc” “mục tiêu lớn của Trung Quốc trong thế kỷ XXI... là phải xác lập địa vị lãnh tụ thế giới, phát huy vai trò lãnh đạo xã hội quốc tế” (Lưu Minh Phúc, 2010: 77-81). Muốn hiểu rõ thực chất vấn đề chỉ có thể nhìn vào hành động thực tế.

Về câu hỏi thứ ba, triển vọng của việc Trung Quốc thực thi chiến lược đối ngoại hiện nay sẽ như thế nào? Câu trả lời là có hai khả năng: nếu họ thực sự phát triển một cách hòa bình, lời nói đi đôi với hành động, thì Trung Quốc sẽ là một cường quốc có uy tín cao, có ảnh hưởng rộng trên trường quốc tế, đóng góp lớn cho hòa bình và phát triển của thế giới, ngược lại, nếu họ mưu cầu lợi ích của mình bằng cách làm tổn hại lợi ích của nước khác thì họ phải đối mặt với phản kháng của phần còn lại của thế giới, và sự phát triển của họ sẽ không thể bền vững.

Quan hệ Việt - Trung đã chịu tác động trực tiếp và là một phần trong chiến lược đối ngoại toàn cầu của Trung Quốc trong 70 năm qua. Quan hệ Việt - Trung đã từng có một thời kỳ thực sự tốt đẹp như câu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Mỗi tình thâm thiết Việt - Hoa

Vừa là đồng chí, vừa là anh em” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2004: 14)

Quan hệ Việt - Trung cũng đã từng trải qua một thời kỳ khủng hoảng, đứt đầu 15 năm (1976-1990) gây tổn thất và

xã hội) đóng vai trò như thế nào trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc? Hiểu như thế nào về “giác mơ Trung Quốc, phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa”? Triển vọng của việc Trung Quốc thực thi chiến lược đối ngoại hiện nay sẽ như thế nào?

Về câu hỏi thứ nhất, từ khi Trung Quốc đưa ra thuyết “ba thế giới”, coi Liên Xô cũng như Mỹ (thậm chí coi Liên Xô là kẻ thù số 1), coi các nước Đông Âu cũng như các nước Tây Âu, thì trên thực tế Trung Quốc đã không còn coi sự tương đồng về ý thức hệ là một nhân tố quan trọng trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, khi cần thiết Trung Quốc vẫn lợi dụng nhân tố “cùng chung lý tưởng” trong quan hệ quốc tế nếu thấy có lợi cho lợi ích quốc gia.

Về câu hỏi thứ hai, “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa” (nguyên văn: “Trung hoa dân tộc đại phục hưng”) là lý tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn trong bối cảnh lịch sử Trung Quốc thời cận đại. Còn trong thời đại ngày nay thì “giác mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa” có hai cách biểu đạt: Một là cách biểu đạt quan phương. Chủ tịch Tập Cận Bình cho rằng: “Cần tranh thủ các nước trên thế giới hiểu rõ và ủng hộ đối với giấc mơ Trung Quốc. Giấc mộng Trung Quốc là giấc mộng hòa bình, phát triển, hợp tác, cùng thắng. Mục đích chúng ta cần đạt tới là hạnh phúc của nhân dân Trung Quốc, cũng là hạnh phúc chung của nhân dân các nước...” (Mạng

Tân hoa, 2014). Hai là các biểu đạt của giới nghiên cứu, cho rằng: “không thể giới hạn mục tiêu phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa chỉ là để làm cường quốc” “mục tiêu lớn của Trung Quốc trong thế kỷ XXI... là phải xác lập địa vị lãnh tụ thế giới, phát huy vai trò lãnh đạo xã hội quốc tế” (Lưu Minh Phúc, 2010: 77-81). Muốn hiểu rõ thực chất vấn đề chỉ có thể nhìn vào hành động thực tế.

Về câu hỏi thứ ba, triển vọng của việc Trung Quốc thực thi chiến lược đối ngoại hiện nay sẽ như thế nào? Câu trả lời là có hai khả năng: nếu họ thực sự phát triển một cách hòa bình, lời nói đi đôi với hành động, thì Trung Quốc sẽ là một cường quốc có uy tín cao, có ảnh hưởng rộng trên trường quốc tế, đóng góp lớn cho hòa bình và phát triển của thế giới, ngược lại, nếu họ mưu cầu lợi ích của mình bằng cách làm tổn hại lợi ích của nước khác thì họ phải đối mặt với phản kháng của phần còn lại của thế giới, và sự phát triển của họ sẽ không thể bền vững.

Quan hệ Việt - Trung đã chịu tác động trực tiếp và là một phần trong chiến lược đối ngoại toàn cầu của Trung Quốc trong 70 năm qua. Quan hệ Việt - Trung đã từng có một thời kỳ thực sự tốt đẹp như câu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Mối tình thâm thiết Việt - Hoa

Vừa là đồng chí, vừa là anh em” (Hồ Chí Minh toàn tập, 2004: 14)

Quan hệ Việt - Trung cũng đã từng trải qua một thời kỳ khủng hoảng, đứt đầu 15 năm (1976-1990) gây tổn thất và

thêm và mưu đồ mở rộng tranh chấp trên Biển Đông.

Những hoạt động đối ngoại của Trung Quốc trong thập niên thứ hai của thế kỷ mới chứng tỏ họ đã cơ bản từ bỏ phương châm “giấu mình chờ thời” do Đặng Tiểu Bình đề ra trong những năm đầu sau chiến tranh lạnh.

### Lời kết

Trong 70 năm qua Trung Quốc đã 7 lần điều chỉnh chiến lược đối ngoại, về đại thể, mỗi lần điều chỉnh tương đương với một thập niên. Mỗi lần điều chỉnh có một nội dung riêng, nhưng mẫu số chung là nhằm thực hiện giấc mơ Trung Quốc, phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa”.

Thập niên 50 thế kỷ XX, sau khi ra đời, nước CHND Trung Hoa bị Mỹ và các nước phương Tây cô lập về ngoại giao, cấm vận về kinh tế, uy hiếp về quân sự, Trung Quốc đã thực hiện chiến lược ngoại giao “ngả về một bên” (nhất biên đảo), tức là ngả về bên Liên Xô và Cộng đồng các nước XHCN.

Thập niên 60, khi đã đứng vững, Trung Quốc không thể phụ thuộc vào Liên Xô như trước nữa, đã chuyển chiến lược đối ngoại sang “vừa chống đế quốc Mỹ, vừa chống xét lại Liên Xô”.

Thập niên 70, Trung Quốc đã lợi dụng mâu thuẫn Mỹ - Xô, tranh thủ sự nhượng bộ của Mỹ về vấn đề Đài Loan và vấn đề gia nhập Liên hợp quốc, chuyển hướng chiến lược đối ngoại sang liên kết với Mỹ chống “kẻ thù số 1” là Liên Xô.

Thập niên 80, Trung Quốc chuyển sang cải cách, mở cửa, Liên Xô cũng đã trên đà suy yếu, Trung Quốc chuyển sang chiến lược ngoại giao “độc lập tự chủ”.

Thập niên 90, chiến tranh lạnh kết thúc, Liên Xô giải thể, chế độ XHCN Đông Âu sụp đổ, Trung Quốc bị Mỹ và các nước phương Tây trừng phạt sau sự kiện Thiên An môn năm 1989, đã chuyển chiến lược đối ngoại sang “giấu mình chờ thời”, thực chất là lặng lẽ tích cực chuẩn bị sức mạnh để đối phó.

Thập niên đầu thế kỷ XXI kinh tế Trung Quốc hội nhập sâu vào kinh tế thế giới và đã tăng trưởng nhanh, thực lực quân sự lớn mạnh, chiến lược đối ngoại cũng chuyển sang “ngoại giao nước lớn”.

Thập niên thứ hai thế kỷ XXI, Trung Quốc đã “tiến vào giai đoạn then chốt thực hiện phục hưng vĩ đại dân tộc Trung Hoa” (Mạng Tân Hoa, 2014). Đại hội XIX ĐCS đã khẳng định Trung Quốc thực hiện “đường lối ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc” với mục tiêu “thúc đẩy xây dựng quan hệ quốc tế kiểu mới, thúc đẩy xây dựng cộng đồng nhân loại cùng chung vận mệnh” (www.gov.cn). Đến đây, chiến lược ngoại giao toàn cầu của Trung Quốc đã cơ bản định hình, chiến lược “giấu mình chờ thời” Đặng Tiểu Bình đã đề ra trong mấy năm đầu sau chiến tranh lạnh đã bị từ bỏ.

Nhìn lại chiến lược đối ngoại của Trung Quốc 70 năm qua, nhiều câu hỏi đã được đặt ra từ giới nghiên cứu. Nhân tố hình thái ý thức (thể hiện trong chế độ

xã hội) đóng vai trò như thế nào trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc? Hiểu như thế nào về “giấc mơ Trung Quốc, phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa”? Triển vọng của việc Trung Quốc thực thi chiến lược đối ngoại hiện nay sẽ như thế nào?

Về câu hỏi thứ nhất, từ khi Trung Quốc đưa ra thuyết “ba thế giới”, coi Liên Xô cũng như Mỹ (thậm chí coi Liên Xô là kẻ thù số 1), coi các nước Đông Âu cũng như các nước Tây Âu, thì trên thực tế Trung Quốc đã không còn coi sự tương đồng về ý thức hệ là một nhân tố quan trọng trong quan hệ quốc tế. Tuy nhiên, khi cần thiết Trung Quốc vẫn lợi dụng nhân tố “cùng chung lý tưởng” trong quan hệ quốc tế nếu thấy có lợi cho lợi ích quốc gia.

Về câu hỏi thứ hai, “phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa” (nguyên văn: “Trung hoa dân tộc đại phục hưng”) là lý tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn trong bối cảnh lịch sử Trung Quốc thời cận đại. Còn trong thời đại ngày nay thì “giấc mơ Trung Quốc phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa” có hai cách biểu đạt: Một là cách biểu đạt quan phương. Chủ tịch Tập Cận Bình cho rằng: “Cần tranh thủ các nước trên thế giới hiểu rõ và ủng hộ đối với giấc mơ Trung Quốc. Giấc mộng Trung Quốc là giấc mộng hòa bình, phát triển, hợp tác, cùng thắng. Mục đích chúng ta cần đạt tới là hạnh phúc của nhân dân Trung Quốc, cũng là hạnh phúc chung của nhân dân các nước...” (Mạng

Tân hoa, 2014). Hai là các biểu đạt của giới nghiên cứu, cho rằng: “không thể giới hạn mục tiêu phục hưng vĩ đại dân tộc Trung hoa chỉ là để làm cường quốc” “mục tiêu lớn của Trung Quốc trong thế kỷ XXI... là phải xác lập địa vị lãnh tụ thế giới, phát huy vai trò lãnh đạo xã hội quốc tế” (Lưu Minh Phúc, 2010: 77-81). Muốn hiểu rõ thực chất vấn đề chỉ có thể nhìn vào hành động thực tế.

Về câu hỏi thứ ba, triển vọng của việc Trung Quốc thực thi chiến lược đối ngoại hiện nay sẽ như thế nào? Câu trả lời là có hai khả năng: nếu họ thực sự phát triển một cách hòa bình, lời nói đi đôi với hành động, thì Trung Quốc sẽ là một cường quốc có uy tín cao, có ảnh hưởng rộng trên trường quốc tế, đóng góp lớn cho hòa bình và phát triển của thế giới, ngược lại, nếu họ mưu cầu lợi ích của mình bằng cách làm tổn hại lợi ích của nước khác thì họ phải đối mặt với phản kháng của phần còn lại của thế giới, và sự phát triển của họ sẽ không thể bền vững.

Quan hệ Việt - Trung đã chịu tác động trực tiếp và là một phần trong chiến lược đối ngoại toàn cầu của Trung Quốc trong 70 năm qua. Quan hệ Việt - Trung đã từng có một thời kỳ thực sự tốt đẹp như câu thơ của Chủ tịch Hồ Chí Minh:

“Mối tình thắm thiết Việt - Hoa

Vừa là đồng chí, vừa là anh em” (Hồ Chí Minh toàn tập. 2004: 14)

Quan hệ Việt - Trung cũng đã từng trải qua một thời kỳ khủng hoảng, đối đầu 15 năm (1976-1990) gây tổn thất và



đề lại hệ lụy về sau cho tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

Sau ngày quan hệ Việt - Trung được bình thường hóa, quan hệ chính trị, kinh tế, văn hoá giữa hai bên đã được khôi phục và có những bước phát triển mới, nhưng đồng thời cũng đứng trước những khó khăn, trở ngại, chủ yếu là vấn đề Biển Đông.

Kỷ niệm 70 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Trung Quốc (1950-2020) nên là dịp tốt để nhân dân hai nước nhớ lại và suy ngẫm về chặng đường đã qua, rút ra những bài học kinh nghiệm lịch sử, gợi mở cách giải quyết những vấn đề đang đặt ra hiện nay, hướng tới tương lai tốt đẹp hơn của quan hệ hữu nghị giữa nhân dân hai nước.

#### CHÚ THÍCH:

(1) Tháng 1-1974 khi Trung Quốc đưa chiến hạm đánh chiếm toàn bộ quần đảo Hoàng Sa, chính quyền Việt Nam Cộng hòa kêu gọi sự giúp đỡ của Mỹ, nhưng các chiến hạm của Hạm đội 7 Hải quân Mỹ được lệnh rút xa nơi chiến sự.

#### TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Biên bản cuộc tiếp xúc giữa các đồng chí Chu Ân Lai, Lưu Thiểu Kỳ với Đại diện Đảng và chính phủ Việt Nam, "Tài liệu nghiên cứu về quan hệ của Trung Quốc với Việt Nam". tập I, Cục Nghiên cứu Bộ Quốc phòng. tr.28.

2. Dương Khiết Trì, *Đi sâu học tập quán triết tình thân Đại hội XIX ra sức phấn đấu mở ra cục diện mới cho Ngoại giao nước lớn đặc sắc Trung Quốc thời đại mới*. [http://www.gov.cn/gouwuynat/2017-12/01/content\\_5243638.htm](http://www.gov.cn/gouwuynat/2017-12/01/content_5243638.htm)

3. *Đặng Tiểu Bình văn tuyển*, tập III, 1993, NXB Nhân dân Bắc Kinh.

4. *Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 11, 2004, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

5. Hồ Diệu Bang, 1982, *Cục diện mới triển khai toàn diện công cuộc xây dựng hiện đại hóa XHCN*. Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội XII ĐCS Trung Quốc, NXB Nhân dân, Bắc Kinh.

6. Liêu Cài Long, 2010, *Biên niên sử nước CHND Trung Hoa (1949-2009)*, NXB Nhân dân Bắc Kinh.

7. Lưu Minh Phúc, 2010, *Trung Quốc mộng*. Công ty xuất bản Hữu nghị, Bắc Kinh, tr 77-81.

8. Mạng Tân hoa, 2007, Báo cáo chính trị tại Đại hội IX ĐCS Trung Quốc (1969), ngày 11-10.

9. Mạng Tân Hoa, 2014, *Bài nói chuyện quan trọng của Tập Cận Bình tại Hội nghị Trung ương về công tác đối ngoại*, 29-11.

10. Ngoại trưởng Mỹ Kissinger nhận định "chiến tranh Việt Nam lần thứ ba biểu hiện sự hợp tác chặt chẽ nhất giữa Trung Quốc và Mỹ trong thời gian chiến tranh lạnh". Kissinger: *Bàn về Trung Quốc*, 2015, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội.

11. Tập Cận Bình, 2014, *Bàn về quản lý đất nước, hành xử chính quyền* (Đàm trị quốc lý chính). NXB Ngoại văn, Bắc Kinh.

12. *Văn tuyển Ngoại giao Mao Trạch Đông*, 1994. Nxb Văn Kiện Trung ương - NXB Tri thức thế giới, Bắc Kinh.